

Bản án số: 1179/2017/HNGĐ - ST

Ngày: 12-9-2017

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Thông

Bà Võ Thị Hoài Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong các ngày 06 và ngày 12 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/TLST-HNGĐ ngày 07/3/2017 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1860/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/8/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Đặng Ánh T**, sinh năm 1963. (có mặt)

Địa chỉ: 27/7 đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông **H.S Gregory**, sinh năm 1956 (có mặt)

Quốc tịch: Hoa Kỳ

Địa chỉ: 17660 T.Lane, P.Grove, California 95665, Hoa Kỳ.

Địa chỉ liên lạc tại Việt Nam: Phòng 601 2A/6 đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người phiên dịch:

Ông: **Trần Quốc L**, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: 104 đường N, T, Thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Đặng Ánh T trình bày:

Bà và ông H.S Gregory quen biết vào tháng 8/2006 qua mạng xã hội (trang Vietnamcupid.com), hai người tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 3984 quyển số 15 ngày 13/12/2007 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/12/2007.

Ngoài lí do quen biết để tiến tới hôn nhân, bà còn có lí do nữa là không thể sinh con, bạn bè có khuyên bà không thể sống chung cùng cha mẹ, hãy tìm người đã từng có gia đình kết hôn để ổn định cuộc sống.

Sau khi kết hôn, vào tháng 8 năm 2009 bà theo chồng sang Mỹ định cư. Tuy nhiên, cuộc sống hôn nhân tiếp theo không hạnh phúc, vợ chồng bà thường bất hòa, do bất đồng về ngôn ngữ, lối sống nên mâu thuẫn càng trầm trọng không thể giải quyết.

Nhiều lần ông H đã xúc phạm, đe dọa đánh bà, đập vỡ đồ đạc trong nhà. Cuộc sống hôn nhân trở nên nặng nề; có những lần ông H gây tai nạn giao thông đều ép bà nhận lỗi. Trong cuộc sống vợ chồng bà không được tôn trọng và là người phải vay mượn tiền bạn bè để chi trả tiền sinh hoạt phí. Thậm chí, người nhà bà ở Việt Nam còn phải gửi tiền qua Mỹ để bà trang trải cuộc sống.

Ngoài ra, bà còn bị khủng hoảng tinh thần khi ông H đã có hành động lập dị khiến cho bạn bè, đồng nghiệp e dè trong việc tiếp xúc với bà. Ông H còn gọi điện và gửi tin nhắn về đe dọa người nhà bà ở Việt Nam, hơn nữa còn đặt điều vu khống em bà có hành vi ngược đãi trẻ em.

Khi làm việc bên Mỹ, bà bị tai nạn lao động, mắt trái của bà có khả năng bị mù, ông H yêu cầu bà ủy quyền để ông kiện đòi bồi thường và giả chữ ký tên bà để nhận tiền mặc dù bà đã hủy ủy quyền. Sau khi nhận tiền, ông H đã sử dụng hết số tiền này. Khi bà về Việt Nam ông H liên tục gọi điện cho bà và bố mẹ bà gây áp lực về tâm lý, nói xấu bà trên mạng xã hội.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được bà khởi kiện tại Tòa án nơi cấp đăng ký kết hôn giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông H.S Gregory.
- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn ông H.S Gregory trình bày: Ông xác nhận nội dung trình bày của bà Đặng Ánh T về quá trình quen biết tiến tới hôn nhân là đúng. Tuy nhiên, ông không đồng ý ly hôn với bà Đặng Ánh T vì lý do ông còn thương yêu vợ, những việc ông làm như lời khai của nguyên đơn hoàn toàn là muốn tốt cho cả hai

người. Khi kết hôn với bà T, ông hoàn toàn tự nguyện, dù biết bà T không thể có con nhưng ông vẫn chấp nhận chung sống.

Khi bà T sang Mỹ định cư, ông biết rằng sẽ có sự khác biệt về phong tục tập quán, phải có thời gian thích nghi nên thường chia sẻ, cảm thông với vợ đôi khi hơi thái quá; tuy thu nhập có hạn hẹp nhưng vợ chồng vẫn dành dụm gửi tiền về Việt Nam giải quyết khó khăn cho gia đình vợ, Vì vậy, ông đề nghị tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Ông cho rằng hiện nay Tòa án tại Hoa Kỳ đang giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung của các bên liên quan trong vụ kiện. Vì vậy, ông phản đối thẩm quyền của Tòa án Việt Nam trong việc giải quyết vụ án ly hôn này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận; Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

I/ Về hình thức: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ giấy chứng nhận đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cùng lời trình bày của các đương sự tại bản khai và tại phiên tòa, có cơ sở để xác định đây là vụ án về việc xin ly hôn. Bị đơn trong vụ án là ông H.S Gregory có quốc tịch Hoa Kỳ, hiện đang định cư tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong vụ án này, do các đương sự tự cung cấp các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc tranh chấp, Tòa án không tiến hành xác minh thu thập chứng cứ và không tiến hành ủy thác tư pháp ra nước ngoài nên căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

II/ Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 3984 quyển số 15 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/12/2007, có cơ sở để xác định quan hệ về hôn nhân giữa bà Đặng Ánh T và ông H.S Gregory được xác lập trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thừa nhận.

Do việc kết hôn giữa bà Tuyết và ông H.S Gregory được xác lập và tiến hành trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nên các tranh chấp phát sinh liên quan đến quan hệ hôn nhân sẽ do pháp luật về Hôn nhân và gia đình Việt Nam điều chỉnh và giải quyết. Bị đơn ông H.S Gregory cho rằng: Mặc dù kết hôn tại Việt Nam nhưng giữa ông và bà Đặng Ánh T đã có thời gian tương đối dài chung sống tại Hoa Kỳ, hiện bà T cũng đã có đơn thưa bị đơn tại tòa án Hoa kỳ nên ông phản đối thẩm quyền của Tòa án Việt Nam khi giải quyết vụ án ly hôn này. Tại các bản khai và tại phiên tòa bà T khẳng định hoàn toàn không có việc bà thưa kiện bị đơn tại Hoa kỳ, chứng cứ do bị đơn giao nộp không có giá trị về mặt pháp lý. Từ nội dung trên, xét thấy trình bày của của ông H.S Gregory về thẩm quyền giải quyết vụ án không phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam nên không được chấp nhận.

Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Đặng Ánh T thì sau khi kết hôn, bà cùng ông H.S Gregory sang Hoa Kỳ sinh sống. Ở nơi đất khách quê người do bất đồng về ngôn ngữ, sắc tộc và tập quán địa phương nên giữa bà và chồng thường xảy ra cãi vã, không có sự tôn trọng lẫn nhau. Trong sinh hoạt thường ngày, ông H.S Gregory có những biểu hiện thiếu trung thực như gây ra sự cố về giao thông đều ép bà nhận lỗi để tránh né trách nhiệm; trong quan hệ họ hàng, thân tộc với gia đình vợ ông H.S Gregory đã có những lời lẽ, đặt điều vô căn cứ làm ảnh hưởng đến danh sự của bà; thậm chí ông H.S Gregory còn vu khống em ruột của bà sinh sống cùng địa phương tại Hoa Kỳ có hành vi ngược đãi trẻ em để chính quyền sở tại phải can thiệp, xử lý.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên khi trở về Việt Nam bà có đơn khởi kiện yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông H.S Gregory.

Không đồng ý với trình bày của nguyên đơn, ông H.S Gregory cho rằng: lời khai của bà T chỉ đúng một phần. Bản thân bị đơn không có hành vi gì sai trái trong hôn nhân làm tổn hại đến danh dự bà T. Ông thừa nhận trong cuộc sống chung không tránh khỏi những cãi vã, xô xát nhưng bản thân ông vẫn mong muốn đem lại hạnh phúc cho người vợ và không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà T.

Xem xét hoàn cảnh quen biết và trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy: Xuất phát từ việc giao lưu trên mạng xã hội và đi đến kết hôn trong thời gian ngắn nên giữa bà Đặng Ánh T với ông H.S Gregory thiếu đi sự cảm thông và nghĩa tình sâu đậm trong quan hệ vợ chồng. Thêm vào đó, khi ra nước ngoài định cư, do bất đồng về ngôn ngữ, tập quán sinh sống nên giữa vợ chồng không hiểu rõ về nhau dẫn đến mâu thuẫn phát sinh và ngày càng trầm trọng, đây chính là lý do để bà Đặng Ánh T yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông H.S Gregory.

Tại các bản khai, phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bà Đặng Ánh T đều giữ lời khai khẳng định là sau khi trở về Việt Nam, bà sẽ sống cùng với cha mẹ và người thân đến hết cuộc đời và không còn ý định trở về Hoa Kỳ một lần nào nữa. Như vậy, cho dù duy trì hôn nhân giữa bà Đặng Ánh T và ông H.S Gregory như nguyện vọng của bị đơn cũng không đem lại hy vọng đoàn tụ và hạnh phúc riêng cho gia đình họ, đồng thời gây ra những tổn phí phát sinh trong đi lại. Vì vậy, theo yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Ánh T, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy cần chấp nhận đề nghị của nguyên đơn, giải quyết để bà Đặng Ánh T được ly hôn với ông H.S Gregory để mỗi người tự lập cuộc sống mới.

[2] Về quan hệ con chung: Các bên đương sự xác định không có, không đặt ra để giải quyết.

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Trình bày tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn xác định tài sản chung, nợ chung của vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn có nêu ra khoản nợ chung theo thẻ tín dụng của Ngân hàng nước ngoài nhưng ông yêu cầu được giải quyết tại Tòa án Hoa Kỳ. Tại tòa sơ thẩm bị đơn không có yêu cầu phản tố về việc giải quyết khoản nợ chung, đồng thời nguyên đơn cũng đề nghị được tách ra để giải quyết trong vụ án khác khi bị đơn có yêu cầu. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã giải thích để bị đơn ông H.S Gregory hiểu rõ quy định của pháp luật Việt Nam về nội dung này và đương sự không có ý kiến gì. Vì vậy, Tòa án giành quyền khởi kiện cho bị đơn ông H.S Gregory được quyền khởi kiện về nợ chung, tài sản chung khi đương sự có yêu cầu.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Ánh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như luật định.

Bởi các lẽ trên;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 121, Điều 127, khoản 2 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

I/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Ánh T.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Đặng Ánh T được ly hôn với ông H.S Gregory. Giấy chứng nhận kết hôn số 3984 quyền số 15 ngày 13/12/2007 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/12/2007 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Sẽ được giải quyết trong vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

II/ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Ánh T phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0033642 ngày 27 tháng 02 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, số tiền đã nộp 300.000 đồng, đương sự đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

III/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để được xem xét lại toàn bộ vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSNDTPHCM;
- Cục THADSTPHCM;
- UBNDTPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Giang